

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87 /2026/QĐST- DS

Quảng Trị, ngày 27 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2026;

Xét thấy các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 231/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P (H). Địa chỉ trụ sở chính: 25Bis Nguyễn Thị Minh K, phường Sài G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Linh C – Phó Giám đốc phụ trách H Chi nhánh Quảng Bình; đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Nguyên H và ông Hoàng Viết X; địa chỉ: Số 352 Trần Hưng Đ, phường Đồng H, tỉnh Quảng Trị.

- **Bị đơn:** Ông Tạ Quang K, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Số 48 đường Dương K, Tổ dân phố 6 (nay là Tổ dân phố 4 Bắc L), phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 105/22CNQB/HĐTD ngày 21/09/2022 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ kèm theo, ký giữa bà Nguyễn Thị N, ông Tạ Quang K và Ngân hàng TMCP P (H):

**Về tiền gốc và lãi:* Tính đến ngày 19/08/2026, tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi ông Tạ Quang K và bà Nguyễn Thị N còn nợ và phải trả cho Ngân hàng TMCP P (H) là: 794.632.462 đồng (trong đó gồm: Nợ gốc 492.500.000 đồng; Lãi trong hạn 11.525.708 đồng; Lãi quá hạn 290.606.754 đồng).

** Hai bên đã thống nhất phương án và thời gian ông Tạ Quang K và bà Nguyễn Thị N trả nợ cho Ngân hàng TMCP P (H) như sau:*

Đến hết ngày **19/11/2026**, ông K, bà N phải trả cho Ngân hàng TMCP P (H) toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên. Kể từ ngày **20/8/2026**, Ngân hàng TMCP P (H) được tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày thực tế ông K, bà N thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP P (H).

- Trường hợp ông K, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP P (H) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 08436/18MN/HĐBD ngày 17/05/2018, số công chứng: 1227, quyền số 05/2018 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng viên Văn phòng công chứng Trần Trọng K, tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) chứng nhận ngày 17/05/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Quảng Bình với Bên thế chấp là ông Tạ Quang K và bà Nguyễn Thị N; Được đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật. Cụ thể như sau: thửa đất số 119, tờ bản đồ số 109, địa chỉ: phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng T, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD053935, số vào sổ cấp GCN: CH06866 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 19/7/2016, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông K, bà N. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

- Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, H có quyền yêu cầu ông K, bà N tiếp tục trả nợ cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

**Về án phí:* Áp dụng khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Tạ Quang K và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành với số tiền là **17.892.649 đồng** (Viết bằng chữ: Mười bảy triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi chín đồng chẵn). Ngân hàng TMCP P (H) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P (H) số tiền tạm ứng án phí là:

17.420.733 đồng (Viết bằng chữ: Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng chẵn) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002784, ký hiệu: BLTU/26E ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Về chi phí tố tụng:* Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận ông Tạ Quang K và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ trong vụ án là **3.835.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn); Ngân hàng TMCP P (H) đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định nên ông Tạ Quang K và bà Nguyễn Thị N phải hoàn trả toàn bộ số tiền **3.835.000 đồng** (bằng chữ: Ba triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn) cho Ngân hàng TMCP P (H).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực I – Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa